

BÀI: THẮNG BIỂN
MỞ RỘNG VỐN TỪ: DỮNG CẢM
LUYỆN TẬP XÂY DỰNG MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ CÂY CỎI
VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỎI

I. Đọc hiểu:

Thắng biển

Mặt trời lên cao dần. Gió đã bắt đầu mạnh. Gió lên, nước biển càng dữ. Khoảng mệnh mông âm ỉ càng lan rộng mãi vào. Biển cả muốn nuốt tươi con đê mỏng manh như con mập đớp con cá chim nhỏ bé.

Một tiếng ào ào dữ dội. Như một đàn cá voi lớn, sóng trào qua những cây vẹt cao nhất, vụt vào thân đê rào rào. Một cuộc vật lộn dữ dội diễn ra. Một bên là biển, là gió, trong một cơn giận dữ điên cuồng. Một bên là hàng ngàn người với hai bàn tay và những dụng cụ thô sơ, với tinh thần quyết tâm chống giữ.

Một tiếng reo to nổi lên, rồi ầm ầm hơn hai chục thanh niên cả nam lẫn nữ, mỗi người vác một vác củi vẹt, nhảy xuống dòng nước đang cuộn dữ. Họ khoác vai nhau thành một sợi dây dài, lấy thân mình ngăn dòng nước mặn. Nước quật vào mặt, vào ngực, trào qua đầu hàng rào sống. Họ ngụp xuống, trồi lên, ngụp xuống. Trong đám thanh niên xung kích, có người ngã, có người ngạt. Nhưng những bàn tay khoác vai nhau vẫn cứng như sắt, và thân hình họ quấn chặt lấy những cọc tre đóng chắc, dẻo như chèo. Tóc dài các cô quấn chặt vào cổ các cậu con trai, mồ hôi như suối, hòa lẫn với nước chát mặn. Đám người không sợ chết đã cứu được quãng đê sống lại.

Theo **CHU VĂN**

Chú thích:

- **Mập:** cá mập (nói tắt).
- **Cây vẹt:** cây sống ở rừng nước mặn, lá dày và nhẵn.
- **Xung kích:** đi đầu làm những nhiệm vụ khó khăn, gay go nhất.
- **Chèo:** dây thừng to, rất bền.

Câu 1: Cuộc chiến đấu giữa con người với cơn bão biển được miêu tả theo trình tự nào?

Câu 2: Tìm những từ ngữ, hình ảnh (trong đoạn 1) nói lên sự đe dọa của cơn bão biển.

Câu 3: Cuộc tấn công dữ dội của cơn bão biển được miêu tả như thế nào ở đoạn 2?

Câu 4: Những từ ngữ, hình ảnh nào (trong đoạn 3) thể hiện lòng dũng cảm, sức mạnh và chiến thắng của con người trước cơn bão biển?

II. Ngữ pháp

Câu 1. Tìm các từ có cùng nghĩa với "dũng cảm" trong số các từ dưới đây:

Gan dạ, thân thiết, hòa thuận, hiếu thảo, anh hùng, anh dũng, chăm chỉ, lễ phép, chuyên cần, can đảm, can trường, gan góc, gan lì, tận tụy, tháo vát, thông minh, bạo gan, quả cảm

Câu 2. Ghép từ "dũng cảm" vào trước hoặc sau các từ dưới đây tạo nên các cụm từ có nghĩa.

Tinh thần, hành động, xông lên, người chiến sĩ, nữ du kích, em bé liên lạc, nhận khuyết điểm, cứu bạn, chống lại cường quyền, trước kẻ thù, nói lên sự thật.

Câu 3. Tìm từ ở cột A phù hợp với lời giải nghĩa ở cột B.

A	B
Gan dạ	(chống chọi) kiên cường, không lùi bước
Gan góc	Gan đến mức trơ ra, không còn biết sợ là gì
Gan lì	Không sợ nguy hiểm

Câu 4: Tìm từ ngữ trong ngoặc đơn hợp với mỗi chỗ trống ở đoạn văn sau:

Anh Kim Đồng là một rất Tuy không chiến đấu ở, nhưng nhiều khi đi liên lạc, anh cũng gặp những giây phút hết sức Anh đã hi sinh, nhưng sáng của anh vẫn còn mãi mãi.

(can đảm, người liên lạc, hiểm nghèo, tấm gương, mặt trận)

- Can đảm: có dũng khí để không sợ nguy hiểm, đau khổ.
- Người liên lạc: Người làm nhiệm vụ truyền tin để giữ các mối liên hệ.
- Hiểm nghèo: Rất nguy hiểm, khó lòng thoát khỏi tai họa.
- Mặt trận: Nơi diễn ra các cuộc chiến đấu, các trận đánh lớn.

III. Viết

1. Dựa vào các gợi ý dưới đây, hãy viết một đoạn mở bài, giới thiệu chung về cây mà em định tả.

Quan sát một cây mà em yêu thích và cho biết:

- a. Cây đó là cây gì?
- b. Cây được trồng ở đâu?
- c. Cây do ai trồng, trông vào dịp nào (hoặc: do ai mua, mua vào dịp nào)?
- d. Ấn tượng chung của em khi nhìn cây đó thế nào?

2. Dựa vào các gợi ý dưới đây, hãy viết một kết bài mở rộng cho bài văn.

- a. Cây đó là cây gì?
- b. Cây đó có ích lợi gì?
- c. Em yêu thích, gắn bó với cây như thế nào? Em có cảm nghĩ gì về cây?